

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-PT

Ngày: 18-8-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLPT- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 146/2022/QĐ-PT ngày 08/8/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 128, L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hồng Th, sinh năm: 1963; địa chỉ: số 128, L, L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3834, quyền số 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 08/4/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm: 1961, ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1954; địa chỉ: số 214, B, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, bà A có mặt, ông L có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A: Luật sư Trần Như L, Công ty Luật Hợp danh V, đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 41 Thạch Thị Thanh, Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thụy Mỹ U, sinh năm: 1984; địa chỉ: số 214, B, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc A – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Bà Lê Thị Thu H là Ông Phạm Hồng Th trình bày: Do Bà Lê Thị Thu H là cháu ruột với Bà Lê Thị Ngọc A, ông Nguyễn Văn L là dưỡng rể. Năm 2019 và năm 2020 Bà Lê Thị Thu H có cho vợ chồng Bà Lê Thị Ngọc A, ông Nguyễn Văn L vay tổng số tiền gốc là 1.487.000.000 đồng làm 03 lần: Lần thứ nhất ngày 25/7/2019 số tiền 30.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 27/9/2019 số tiền 20.000.000 đồng và lần thứ ba ngày 30/10/2020 số tiền 1.437.000.000 đồng; số tiền ghi ngày 25/7/2019 và ngày 27/9/2019 vay không có thời hạn; số tiền ghi ngày 30/10/2020 thời hạn vay 03 tháng; lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng; Bà Lê Thị Ngọc A có ký giấy và ghi họ tên vào giấy vay tiền; hai bên giao nhận tiền tại Kios của bà H ở chợ Bảo Lộc. Đến hạn trả nợ bà H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà A, ông L không trả nợ.

Do đó bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà A, ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.487.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 1.437.000.000 đồng, kể từ ngày 31/01/2021 cho đến nay (ngày 09/5/2022) là 15 tháng 09 ngày $\times 0,83\%/tháng = 182.484.600đ$, tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 1.669.484.600 đồng.

Bà H tự nguyện rút một phần yêu cầu về lãi suất là 03 tháng tiền gốc 1.437.000.000 đồng $\times 0,83\% = 35.781.300$ đồng; lãi suất của số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 25/7/2019 cho đến nay $\times 33$ tháng 14 ngày $\times 0,83\% = 8.333.200$ đồng; lãi suất của số tiền 20.000.000 đồng tính từ ngày 27/9/2019 cho đến nay $\times 31$ tháng 12 ngày $\times 0,83\% = 5.212.300$ đồng, tổng cộng lãi suất không yêu cầu là 49.326.800 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bà A, ông L vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Bà Lê Thị Thu H yêu cầu bị đơn vợ chồng Bà Lê Thị Ngọc A, ông Nguyễn Văn L phải thanh toán số tiền lãi suất là 49.326.800 đồng (bốn mươi chín triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm đồng); 03 tháng lãi suất của số tiền gốc 1.437.000.000 đồng, toàn bộ lãi suất của số tiền gốc 30.000.000 đồng và 20.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Lê Thị Thu H. Buộc bị đơn vợ chồng Bà Lê Thị Ngọc A, ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả tổng số tiền là 1.669.484.600 đồng (một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó tiền gốc 1.487.000.000 đồng, lãi suất 182.484.600 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, về “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện tại Chương III Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/5/2022 bị đơn Bà Lê Thị Ngọc A, kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Bà Lê Thị Ngọc A vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ông Phạm Hồng Th, là người đại diện theo ủy quyền của Bà Lê Thị Thu H đề nghị giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền 1.050.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Thu H, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Bà Lê Thị Thu H và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, Bà Lê Thị Ngọc A có quan hệ là cô, cháu ruột, ông L là dưỡng rể; năm 2019 và năm 2020 bà H cho vợ chồng ông L, bà A vay nhiều lần vay tiền, với tổng số tiền vay là 1.489.000.000 đồng; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như không thống nhất với nhau về người phải trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định

quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Tại các “Giấy mượn tiền” ghi ngày 25/7/2019 thể hiện nội dung “Tôi là Lê Thị Ngọc A, địa chỉ 214, đường Bùi Thị X, tôi có mượn của cháu, số tiền mượn 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); giấy “mượn tiền” ngày 27/9/2019 thể hiện nội dung “Tôi là Lê Thị Ngọc A, địa chỉ 214, đường Bùi Thị X, tôi có mượn của cháu, số tiền mượn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); giấy “mượn tiền” ngày 30/10/2020 thể hiện nội dung “Tôi là Lê Thị Ngọc A, địa chỉ 214, đường Bùi Thị X, tôi có mượn của cháu, số tiền mượn 1.437.000.000đ (một tỷ bốn trăm ba mươi bảy), trong vòng 03 tháng tôi sẽ hoàn trả, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật ...”. Tại phiên tòa bà A thừa nhận bà A ký vào các giấy vay tiền nói trên, tuy nhiên thực tế bà A chỉ nhận của bà H số tiền 50.000.000 đồng (gồm khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 25/7/2019 và 20.000.000 đồng ngày 27/9/2019), đối với số tiền 1.437.000.000 đồng bà A có ký vào giấy vay tiền nhưng bà A chỉ ký thay cho con gái là chị Nguyễn Thụy My U, còn thực tế bà A không nhận số tiền này từ bà H.

[2.2] Tại các bản tin nhắn ngày 08/11/2020 thể hiện tại tài khoản chị Hà Cậu 6 gửi đến thể hiện nội dung: “Na ơi, chỉ tổng kết tới ngày 30 tháng 10 là 1 tỷ 437.800.000đ. Cô Mười vừa mới ghi giấy cho chị nhưng chị vẫn tính em tiền lời của 1 tỷ thôi nhé, sao tới giờ vẫn chưa thấy em gửi tiền cho chị”. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thừa nhận nội dung tin nhắn là có thật, Na là chị Nguyễn Thụy My U (con gái bà A), cô Mười trong nội dung tin nhắn là bà A.

Mặt khác, các nội dung tin nhắn khác từ chị Hà Cậu 6 gửi đến hộp thư của “Na” thể hiện việc thanh toán tiền lãi đối với số tiền 1.437.800.000 đồng. Bà A trình bày bà chỉ ký vào giấy vay tiền nhưng thực tế không nhận số tiền 1.437.800.000 đồng từ bà H, số tiền này là khoản tiền vay giữa bà H và chị Uyên trước đó, bà A không liên quan gì đến số tiền này, đồng thời ông Th thừa nhận giữa bà H (vợ ông Th) và chị Uyên có mối quan hệ vay tiền nhiều lần với nhau. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh, làm rõ các nội dung tin nhắn thể hiện số tiền 1.437.800.000 đồng giữa bà H và chị Uyên có phải là khoản tiền vay tại giấy vay tiền ngày 30/10/2020 mà Bà Lê Thị Ngọc A đã ký hay không. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nội dung tin nhắn thể hiện từ chị Hà Cậu 6 gửi đến số máy có tên tài khoản “Na” để xác minh làm rõ chủ số điện thoại có phải là bà H và chị Uyên hay không là có sự thiếu sót, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.3] Tại các giấy vay tiền ngày 27/9/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 25/7/2019 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 30/10/2020 vay số tiền 1.437.800.000 đồng. Bà A thừa nhận chữ ký là do bà A ký, tuy nhiên bà A trình

bày chỉ ký giấy vay tiền ngày 30/10/2020 thay cho chị Uyên đối với số tiền 1.437.800.000 đồng, còn số tiền vay thực tế thì giữa chị Uyên và bà A thỏa thuận, bà A không cầm số tiền này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th thừa nhận giữa bà H và chị Uyên có vay tiền qua lại nhiều lần, bà H thừa nhận bà H cho chị Uyên vay tiền, vợ chồng bà A, ông L là người bảo lãnh cho chị Uyên trả nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa chị Uyên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền vay 1.437.800.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 30/10/2020 mà bà A đã ký để xác định cụ thể ai là người vay tiền, đồng thời tính lại tiền lãi suất đã trả là chưa triệt để, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm bà H tự nguyện rút một phần về lãi suất 03 tháng đối với số tiền gốc là 1.437.000.000 đồng, tiền lãi suất của số tiền gốc 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/7/2019 và ngày 27/9/2019 là 13.595.500 đồng, tổng cộng là 49.326.800 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật; không trái với đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Do đó cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất số tiền 49.326.800 đồng là đúng quy định.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền 1.437.000.000 đồng từ ngày 31/01/2021 đến ngày 09/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi từ ngày 31/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09/5/2022: $1.437.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 182.484.600 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, trong các nội dung tin nhắn thể hiện chị Uyên trả tiền lãi cho bà H nhiều lần, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ việc vay tiền giữa bà H và bà A hay giữa bà H và chị Uyên để xem xét số tiền lãi phải trả nên chưa xem xét đến số tiền lãi, sau khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ để có căn cứ giải quyết theo quy định. Do đó, cần phải đưa chị Uyên vào tham gia tố tụng.

[6] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ các vấn đề vừa nêu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị Ngọc A; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Do hủy án nên Anh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 - Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Bà Lê Thị Ngọc A. Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa Bà Lê Thị Thu H và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, Bà Lê Thị Ngọc A.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc A không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, bà A được nhận lại 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005084 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố B (01);
- Chi cục THADS thành phố B (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

